

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1758/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015 (như biểu đính kèm)¹.

Điều 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai giao vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015 cho các đơn vị thực hiện theo đúng quy định về thời gian và theo đúng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

¹ Mục tiêu, nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia được giao tại Quyết định riêng về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.

Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển các Chương trình MTQG năm 2015 do các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và thực hiện, chỉ bố trí vốn cho các dự án dở dang, không bố trí vốn cho các dự án khởi công mới (trừ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này; gửi báo cáo về việc phân bổ vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015 trước ngày 15/01/2015 và báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: KTTH, KGVX, TH, KTN, NC;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị liên quan trong Bộ;
- Lưu: VT, TCTT (2b).

BỘ TRƯỞNG



Bùi Quang Vinh



Tỉnh Bình Phước

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 1758/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2015		
		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN
	TỔNG SỐ	93.813	41.300	52.513
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề	11.060	-	11.060
1.1	Dự án đổi mới và phát triển dạy nghề			
1.2	Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn			
1.3	Dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			
1.4	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động			
1.5	Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	35.413	25.600	9.813
2.1	Chương trình 135, bao gồm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn			
2.2	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo			
2.3	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình			
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	11.560	10.700	860
	Trong đó:			



Tỉnh Bình Phước

		11.060	10.700	360
	- Vốn ngoài nước	500	-	500
3.1	Dự án cấp nước sinh hoạt và môi trường nông thôn			
3.2	Dự án vệ sinh nông thôn			
3.3	Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình			
4	Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế	3.794	-	3.794
4.1	Dự án phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng			
4.2	Dự án tiêm chủng mở rộng			
4.3	Dự án chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em			
4.4	Dự án quân dân y kết hợp			
4.5	Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình			
5	Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	3.959	-	3.959
5.1	Dự án bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình			
5.2	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh			
5.3	Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình			
6	Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm	624	-	624
6.1	Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm			
6.2	Dự án thông tin giáo dục truyền thông bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm			
6.3	Dự án tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm			
6.4	Dự án phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm			



Tỉnh Bình Phước

6.5	Dự án bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản xuất nông, lâm, thủy sản			
7	Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa	3.149	1.000	2.149
7.1	Dự án chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích			
7.2	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo			
7.3	Dự án tăng cường năng lực cán bộ văn hóa cơ sở, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình			
8	Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và đào tạo	15.830	2.400	13.430
8.1	Dự án hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học			
8.2	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân			
8.3	Dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm			
8.4	Dự án nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình			
9	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống ma túy	1.330	-	1.330
9.1	Dự án xây dựng xã, phường, thị trấn không tệ nạn ma túy			
9.2	Dự án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, triển khai ứng dụng các thuốc, phương pháp y học trong điều trị và phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy			
9.3	Dự án thông tin, tuyên truyền phòng, chống ma túy và giám sát thực hiện Chương trình			



Tỉnh Bình Phước

10	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống tội phạm	230	-	230
	Dự án tăng cường công tác giáo dục, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình			
11	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	4.500	-	4.500
12	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS	564	-	564
12.1	Dự án thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS			
12.2	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV			
12.3	Dự án hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con			
13	Chương trình mục tiêu quốc gia Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo	1.800	1.600	200
13.1	Dự án tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo			
13.2	Dự án tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo			